

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 121/2020/DS-ST

Ngày: 18/9/2020

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Văn Phúc.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đinh Thành Công

2. Ông Trần Văn Thật

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Nhanh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lay.

Vào ngày 18 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 239/2020/TLST – DS ngày 09 tháng 6 năm 2020 về việc tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 115/2020/QĐST-DS ngày 03 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 87/2020/QĐST-DS ngày 21 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Nguyễn Văn Q, sinh năm 1969, (có mặt);

1.2. Phạm Thị Thúy H, sinh năm 1980, (có mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp 4, xã C, huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Ngô Văn S, sinh năm 1972. Địa chỉ: Ấp 4, xã C, huyện L, tỉnh Tiền Giang, (vắng mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1974. Địa chỉ: Ấp 4, xã C, huyện L, tỉnh Tiền Giang, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai ghi ngày 23/4/2020, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn Nguyễn Văn Q, Phạm Thị Thúy H trình bày:**

Ông, bà có cho vợ chồng ông S, bà T vay nhiều lần tiền tổng cộng là 45.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 6%/tháng và 05 chỉ vàng 25k để trị bệnh

cho bà T như sau:

- Ngày 18/6/2019 ông S, bà T vay 10.000.000 đồng;
- Ngày 01/9/2019 ông S vay 10.000.000 đồng;
- Ngày 11/02/2020 ông S, bà T vay 15.000.000 đồng;
- Ngày 01/12/2019 ông S vay 10.000.000 đồng;
- Ngày 08/4/2019 ông S vay 05 chỉ vàng 24k;

Từ lúc vay tiền ông S, bà T không có trả tiền lãi hàng tháng cho ông, bà theo thỏa thuận, dù đã nhiều lần đòi lại tiền nhưng ông S, bà T hứa hẹn không trả. Hiện vợ chồng bỏ địa phương đi đâu không biết.

Nay yêu cầu ông S trả lại số tiền 45.000.000 đồng và 05 chỉ vàng 24k, ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện: 05 biên nhận vay tiền và vàng do ông S và bà T ký.

* Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án nêu rõ yêu cầu của nguyên đơn, đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ kèm theo, thông báo về phiên họp, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Thông báo về kết quả phiên họp, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và triệu tập họp lệ nhưng ông S, bà T vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở lời trình bày của các đương sự và các tài liệu, chứng cứ được đưa ra xem xét tại phiên tòa, sau khi thảo luận và nghị án Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét thấy bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được tòa án triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông Q, bà H chỉ yêu cầu ông S trả số tiền còn thiếu đây là quyền tự định đoạt của đương sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Xét thấy ông Q, bà H khởi kiện yêu cầu ông S trả số tiền, vàng còn thiếu nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Tại phiên tòa nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, Hội đồng xét xử nhận định:

3.1. Giao dịch dân sự về việc cho mượn tiền, vàng giữa ông Q, bà H với ông S, bà T có lập thành văn bản, nội dung thỏa thuận không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội phù hợp quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự nên Hội đồng xét xử công nhận.

3.2. Do ông S, bà T vi phạm nghĩa vụ theo thỏa thuận nên ông Q, bà H yêu cầu trả lại tiền, vàng là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 466 của Bộ luật dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Theo biên bản xác nhận ngày 06/5/2020 và ngày 24/6/2020 tại công an xã C thì ông S hiện có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp 4, xã C, huyện L, tỉnh Tiền Giang. Bà T chung sống với ông S cùng địa chỉ từ năm 2014 (có với nhau 01 con chung đang học lớp 9), hiện cả hai bỏ địa phương đi đâu không biết. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia tố tụng giải quyết vụ án nhưng ông S, bà T vắng mặt không lý do nên phải chịu hậu quả pháp lý bất lợi của việc từ chối tham gia tố tụng giải quyết vụ án theo quy định pháp luật. Trường hợp ông S, bà T có tranh chấp về quyền lợi, nghĩa vụ với nguyên đơn trong vụ án thì tự thỏa thuận với nhau hoặc yêu cầu giải quyết quyền lợi của mình theo quy định pháp luật.

[5] Xét trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông Q, bà H chỉ yêu cầu ông S trả số tiền nợ chung của vợ chồng đây là quyền tự định đoạt của đương sự nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Trường hợp ông S, bà T có tranh chấp về quyền lợi, nghĩa vụ đối với số tiền, vàng phải trả cho ông Q, bà H thì tự thỏa thuận với nhau hoặc yêu cầu giải quyết quyền lợi của mình theo quy định pháp luật.

[5] Về án phí: Ông S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án do yêu cầu của ông Q, bà H được Hội đồng xét xử chấp nhận, giá vàng tại thời điểm xét xử là 4.500.000 đồng/chỉ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, 466, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Q và bà Phạm Thị Thúy H.

1. Buộc ông Ngô Văn S phải trả cho ông Q, bà H số tiền 45.000.000 đồng và 05 chỉ vàng 24k, ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày ông Q, bà H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông S chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với số tiền và khoảng thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí: Ông S phải chịu 3.375.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho ông Q, bà H số tiền 1.687.500 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0005496 ngày 09/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Tiền Giang.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được thông đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- Chi cục THADS huyện Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Hà Văn Phúc